TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05- 7-2018
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Thị Bình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Thế Dũng;
2. Ông Bùi Dương Tiến.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Võ Tuấn Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Như T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn Tập An N, xã Phổ V, huyện Đức P, tỉnh Quãng Ngãi; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trần Như Tuấn*: Ông Phạm Thanh Đ- Chi nhánh Văn phòng Luật sư Thanh Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Kim T1, sinh năm: 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 37, ấp Trâm V, xã Thanh P, huyện Gò D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-3-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Như T trình bày: Anh và chị Lê Kim T1 chung chung sống với nhau từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi

bông, 01 sợ dây chuyền, 01 cặp nhẫn cưới, toàn bộ là vàng 18k, trọng lượng anh không rõ. Số nữ trang này do hai vợ chồng đã bán chi tiêu trong gia đình hết nên không còn. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống tại huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Hai vợ chồng sống đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay gây gỗ nhau. Anh làm quản lý công nhân nên có khi đi uống cà phê với bạn bè, đi nhậu xả giao với anh em trong công ty thì chị T1 đều không cho đi, chị nhắn tin điện thoại chửi anh. Có lần hai vợ chồng gây gỗ nhau thì chị T1 tới công ty tưới xăng vào người anh rồi bật quẹt đốt anh nhưng mọi người can ra. Có khi chị T1 tới tận chỗ anh nhậu ra lệnh cho anh về, anh kêu chị T1 về trước rồi anh về thì chị T1 hất đổ bàn nhậu làm đổ bể hư hỏng đồ trong quán. Chị T1 đối xử với gia đình anh không chuẩn mực, mỗi khi cha mẹ anh vào thăm thì chị T1 không chào hỏi, không nói chuyện, ghét cha mẹ anh ra mặt dù cha mẹ anh không làm gì có lỗi. Anh nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị T1 không nghe. Vợ chồng ly thân từ tháng 03 năm 2018.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Linh Đ, sinh ngày 27-02-2012. Hiện cháu đang sống với chị T1. Anh để chị T1 nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự sinh sống được.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ ai.

Tại biên bản tự khai ngày 26-3-2018 và biên bản lấy lời khai ngày 04-6-2018, bị đơn chị Lê Kim T1 trình bày: Chị và anh T chung chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đi uống rượu, chị nói thì vợ chồng gây gỗ nhau. Anh T nói việc vợ chồng gây gỗ cho chị ruột anh T biết, chị anh T nhắn tin điện thoại chửi chị. Chị có nói lại nên chị anh T phật ý, anh T nói chị chửi chị ruột anh. Chị thừa nhận có tới công ty tưới xăng vào người anh nhưng do anh T chở vợ con qua nhà bạn chơi, nhậu xỉn rồi chở vợ con té, chị tức giận nên làm cho bỏ tức chứ không chủ ý đốt anh T. Anh T bỏ đi nhậu ở quán, chị điện thoại thì anh T nói muốn gì thì ra quán. Chị ra quán kêu anh T về nhưng anh T nói không về nên chị nóng giận có hất đổ bàn nhậu. Tháng 11 năm 2017 anh T bỏ đi không nói gì với chị. Anh T có về thăm con nhưng vợ chồng không bàn việc đoàn tụ. Nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn do còn thương chồng.

Về con chung: Có 01 con chung như anh T trình bày. Hiện cháu đang sống với chị. Trường hợp anh T nhất quyết ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T- ông Phạm Thanh Đ trình bày: Anh T và chị T1 phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, do chị T1 cư xử không chuẩn mực với anh T và gia đình anh. Tuy chị T1 không đồng ý ly hôn nhưng không thay đổi tính tình, cả hai anh chị đều không có thiện chí hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn với chị T1; giao chị T1 tiếp tục nuôi con, anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Chị T1 yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Anh T được ly hôn với chị T1; về con chung: Giao chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 27-02-2012, ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Kim T1 yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp chị T1 vắng mặt tại phiên tòa có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị T1 tự nguyện chung sống từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh T có yêu cầu ly hôn, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh T thì thấy: Anh T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, hay gây gỗ nhau do chị T1 cư xử không chuẩn mực với anh T và gia đình anh. Chị T1 tới công ty tưới xăng vào người anh rồi bật quẹt đốt anh nhưng mọi người can ra, chị T1 còn đến quán hất đổ bàn nhậu làm đổ bể hư hỏng đồ trong quán, cha mẹ anh vào thăm thì chị T1 không chào hỏi, không nói chuyện. Chị T1 cho rằng anh T thường xuyên đi uống rượu, chị nói thì vợ chồng gây gỗ nhau. Anh T chở vợ con qua nhà bạn chơi, nhậu xỉn rồi chở vợ con té, chị tức giận nên tưới

xăng vào người anh T. Anh T bỏ đi nhậu ở quán, chị điện thoại thì anh T nói muốn gì thì ra quán. Chị ra quán kêu anh T về nhưng anh T nói không về nên chị nóng giận có hất đổ bàn nhậu.

Từ đó cho thấy anh chị bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh chị chưa thực sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và giúp đỡ nhau dẫn đến vợ chồng gây gỗ, cải nhau nên vợ chồng không hòa hợp, sống không hạnh phúc. Trong thời gian anh chị sống ly thân từ tháng 03 năm 2018 đến nay, anh chị không bàn việc đoàn tụ, cả hai anh chị không có thiện chí gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Linh Đ, sinh ngày 27-02-2012. Anh T để chị T1 nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Chị T1 không đồng ý ly hôn, trường hợp anh T nhất quyết ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Linh Đ đã sống ổn định với chị T1, vả lại anh T đồng ý để chị T1 nuôi con nên giao chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Linh Đ là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng

[5] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[7] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T- ông Phạm Thanh Đ có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận đề nghị của ông Đ.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 273, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị anh Trần Như T với chị Lê Kim T1. Anh T được ly hôn với chị T1.

2. Về con chung: Giao chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 27-02-2012.

Ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự sinh sống được. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 07 năm 2018.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Như T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013238 ngày 22-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bình